

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 11/6/2019  
V/v: “Tranh chấp về hôn nhân  
và gia đình - Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Minh Tâm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Đức
2. Ông Lý Đạt Thành

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2019 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Võ K N, sinh năm 1959 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp TP 2, xã VP, huyện T, tỉnh An Giang.

*2. Bị đơn:* Ông Nguyễn H T, sinh năm 1960 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp TP 2, xã VP, huyện T, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai, trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Võ K N trình bày:*

Bà và ông Nguyễn H T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1976, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc và có 04 con chung tên Nguyễn VP sinh ngày 10/10/1980; Nguyễn Thị XD sinh ngày 01/3/1981; Nguyễn TX sinh ngày 04/5/1983 và Nguyễn TT sinh ngày 02/3/1984. Nhưng đến năm 2016 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông Thoại không có trách nhiệm với gia đình, chỉ lo ăn chơi, thường xuyên đi nhậu, mỗi lần đi nhậu về thì hay chửi vợ con làm cho không khí gia đình luôn căng thẳng, thậm chí ông Thoại còn đánh đập bà. Từ năm 2016 đến nay mặc dù bà và ông Thoại còn sống chung một nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau. Nhận thấy, cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn và kéo dài được nữa nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn H T.

- *Về quan hệ con chung:* Có 04 con chung tên Nguyễn VP sinh ngày 10/10/1980; Nguyễn Thị XD sinh ngày 01/3/1981; Nguyễn TX sinh ngày 04/5/1983 và Nguyễn TT sinh ngày 02/3/1984. Các con đều đã thành niên.

- *Về quan hệ tài sản:*

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

\* *Tại tờ tự khai, biên bản ghi lời khai, trong quá trình hòa giải bị đơn ông Nguyễn H T trình bày:*

Thống nhất lời trình bày của bà Võ K N về quá trình hôn nhân. Sau khi kết hôn thì ông bà sống hạnh phúc. Nhưng đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về chuyện tiền bạc, do ông tuổi đã lớn không còn làm ra tiền nên bà Nguyên coi thường ông, bà Nguyên cho rằng ông có người phụ nữ bên ngoài nên mâu thuẫn ngày càng nhiều. Mặc dù, còn sống chung nhà nhưng đã lâu không ai nói chuyện với ai. Nay, bà Nguyên yêu cầu được ly hôn với ông thì ông không đồng ý ly hôn vì ông và bà Nguyên chưa thỏa thuận được về tài sản chung.

- *Về quan hệ con chung:* Có 04 con chung tên Nguyễn VP sinh ngày 10/10/1980; Nguyễn Thị XD sinh ngày 01/3/1981; Nguyễn TX sinh ngày 04/5/1983 và Nguyễn TT sinh ngày 02/3/1984. Các con đều đã thành niên.

- *Về quan hệ tài sản:*

+ Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

+ Về nợ chung: Không có.

*\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:* Việc Tòa án tiến hành thụ lý giải quyết là đúng theo trình tự thủ tục và thẩm quyền, trong quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự trong vụ án cũng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về nội dung: Căn cứ theo các quy định của pháp luật, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ K N. Về con chung: Các con đều đã thành niên. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, bị đơn ông Nguyễn H T có địa chỉ tại ấp TP 2, xã VP, huyện T, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ K N chung sống với ông Nguyễn H T từ năm 1976, có tổ chức lễ cưới, mặc dù không có đăng ký kết hôn nhưng theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội thì hôn nhân giữa bà Nguyên và ông Thoại được xác lập trước ngày 03/01/1987, thì được xem là hôn nhân hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Võ K N, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyên và ông Thoại sau khi tổ chức đám cưới chung sống với nhau rất hạnh phúc và có 04 người con chung. Đến năm 2016, thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do ông Thoại không có trách nhiệm với gia đình, không lo làm ăn, chỉ lo ăn chơi, thường xuyên đi nhậu, mỗi lần đi nhậu về thì hay chửi vợ con làm cho không khí gia đình luôn căng thẳng, thậm chí có lần ông Thoại còn đánh bà. Mặc dù đã được gia đình khuyên ngăn nhưng ông Thoại vẫn không thay đổi. Từ năm 2016 đến nay mặc dù bà Nguyên và ông Thoại còn sống chung một nhà nhưng không nói chuyện với nhau, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Về phía ông Thoại cũng thừa nhận mâu thuẫn như bà Nguyên trình bày, ông không đồng ý ly hôn với bà Nguyên nhưng ông lại không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành

hòa giải tạo điều kiện cho bà Nguyễn và ông Thoại hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng bà Nguyễn vẫn kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Thoại vì tình cảm vợ chồng đã không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Từ những nhận định, phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà Võ K N với ông Nguyễn H T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó có đủ căn cứ để áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ K N.

[2.2] Về quan hệ con chung: Các con đều đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Do bà Võ K N yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội; Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Võ K N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ K N được ly hôn với ông Nguyễn H T.

2. Về quan hệ con chung: Các con đều đã thành niên.

3. Về quan hệ tài sản:

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Ghi nhận bà Võ K N với ông Nguyễn H T không có nợ chung, nhưng sau khi bản án này có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của ông, bà trong thời kỳ sống

chung thì bà Võ K N với ông Nguyễn H T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách là đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Bà Võ K N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000035 ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã VP, huyện T, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Minh Tâm**